

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2021/HS-ST**

Ngày 02-02-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều My.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mai Xuân Đùng;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Bích Diệu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 456/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 04/2021/HSST-QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Văn L**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1975 tại tỉnh: Thanh Hóa;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L 2, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Số 43/13 đường L, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe ôm; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị M (đã chết); bị cáo có vợ là Lê Thị N và có 04 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/9/2020 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Ngô Quang T**; tên gọi khác: Tý; Sinh ngày 04 tháng 11 năm 1974 tại tỉnh: Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 178 đường P, phường Thống N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Số 107/19 đường Đ, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe ôm; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Đa Đ và bà Huỳnh Thị Xuân L; bị cáo có vợ là Triệu Thị Ngọc T và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 17 tháng 4 năm 2014, bị Công an phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/9/2020 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Phan Thị Phương H, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 22 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người chứng kiến*: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 40/15 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 13 tháng 8 năm 2020, Trịnh Văn L và Ngô Quang T đang chờ khách đi xe ôm ở khu vực Cổng số 7, khu C, chợ B, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì phát hiện bà Phan Thị Phương H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 47M1 – 283.XX để ở khu vực Cổng số 7, khu C, chợ B không có người trông coi. Trịnh Văn L đi đến dắt gọn chiếc xe qua một bên thì phát hiện cốp xe không khóa, L mở cốp xe lên thấy bên trong có cọc tiền gồm nhiều mệnh giá khác nhau thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó, Trịnh Văn L và Ngô Quang T thống nhất lấy trộm số tiền trên để tiêu xài. Ngô Quang T đứng canh giới, còn Trịnh Văn L đi lại mở cốp xe của bà Phan Thị Phương H, lén lút lấy trộm số tiền trong cốp xe được 7.000.000 đồng rồi giấu vào túi quần. Sau khi lấy trộm được tài sản, Trịnh Văn L điều khiển xe mô tô biển số 47H5 – 98XX, Ngô Quang T điều khiển xe mô tô biển số 47K8 – 31XX chạy đến khu vực Nhà máy nước cũ đường B, phường Tụ A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, cả hai chia đôi mỗi người 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Phan Thị Phương H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trình báo.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tạm giữ các vật chứng gồm:

*Tạm giữ của Trịnh Văn L: 01 chiếc xe mô tô biển số 47H5-98XX, loại xe hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>, nhãn hiệu Drum, màu nâu và số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).*

*Tạm giữ của Ngô Quang T: 01 chiếc xe mô tô biển số 47K8-31XX, loại xe hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>, nhãn hiệu Dayang, màu nâu và số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).*

Trịnh Văn L và Ngô Quang T khai nhận số tiền 3.500.000 đồng trên là tiền trộm cắp trong cốp xe của bà Phan Thị Phương H.

Cáo trạng số 34/CT-VKS-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Trịnh Văn L, Ngô Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của các bị cáo Trịnh Văn L, Ngô Quang T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

#### **Về hình phạt:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn L từ 06 tháng 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Quang T từ 12 tháng đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ.

**Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho bà Phan Thị Phương H là chủ sở hữu hợp pháp số tiền 7.000.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn L là chủ sở hữu hợp pháp: 01 chiếc xe mô tô biển số 47H5-98XX, loại xe hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>, nhãn hiệu Drum, số loại C100/00, màu nâu, dung tích xi lanh: 97, số khung: DL100-10238227, số máy: 1P50FMG-310238227 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Ngô Quang T là chủ sở hữu hợp pháp: 01 chiếc xe mô tô biển số 47K8-31XX, loại xe hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>, nhãn hiệu Dayang, số loại C100, màu nâu, dung tích xi lanh: 97, số khung: VMXDCG0014U329068, số máy: RDY150FMG80329068 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

**Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Chấp nhận việc bà Phan Thị Phương H không yêu cầu các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T phải bồi thường chi phí nào khác.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, muốn có tiền bằng con đường bất chính nên vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại khu vực Cổng số 7, khu C, chợ B, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T đã lén lút trộm cắp của bà Phan Thị Phương H số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Hành vi của các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

### ***Điều 173 Bộ Luật Hình sự quy định:***

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, lười biếng lao động, muốn có tiền bằng con đường bất chính, các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T đã lén lút trộm cắp của bà Phan Thị Phương H số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*). Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Trịnh Văn L có nhân thân tốt. Đối với bị cáo Ngô Quang T, ngày 17/4/2014 bị Công an phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại do tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h, i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị hại bà Phan Thị Phương H có đơn xin bãi nại cho các bị cáo nên các bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội.

Đối với bị cáo Trịnh Văn L, chỉ cần áp dụng hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và đạt được mục đích của hình phạt. Đồng thời việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối với bị cáo Ngô Quang T chỉ cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Việc áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo sẽ có tác dụng cải tạo, giáo dục hơn chấp hành hình phạt tù, tạo điều kiện để bị cáo tự cải tạo, giáo dục tại cộng đồng, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật mà vẫn có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Do bị cáo có nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: số tiền 7.000.000 đồng, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Phan Thị Phương H, ngày 29 tháng 9 năm 2020 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại số tiền 7.000.000 đồng cho bà Phan Thị Phương H là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với: 01 chiếc xe mô tô biển số 47H5-98XX, loại xe hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>, nhãn hiệu Drum, số loại C100/00, màu nâu, dung tích xi lanh: 97, số khung: DL100-102382XX, số máy: 1P50FMG-3102382XX, tạm giữ của bị cáo Trịnh Văn L; 01 chiếc xe mô tô biển số 47K8-31XX, loại xe hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>, nhãn hiệu Dayang, số loại C100, màu nâu, dung tích xi lanh: 97, số khung: VMXDCG0014U3290XX, số máy: RDY150FMG803290XX, tạm giữ của bị cáo Ngô Quang T. Quá trình điều tra xác định những chiếc xe trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T và không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T là các chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Chấp nhận việc sau khi nhận lại tài sản bà Phan Thị Phương H không yêu cầu các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T phải bồi thường chi phí nào khác là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;*

**Tuyên bố** các bị cáo Trịnh Văn L, Ngô Quang T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- *Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn L **09 (Chín) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Văn L cho Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- *Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự;*

Xử phạt: Bị cáo Ngô Quang T **12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ**.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Ngô Quang T tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Ngô Quang T.

Giao bị cáo Ngô Quang T cho Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

**Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho bà Phan Thị Phương H là chủ sở hữu hợp pháp số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn L là chủ sở hữu hợp pháp: 01 (*Một*) chiếc xe mô tô biển số 47H5-98XX, loại xe hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>, nhãn hiệu Drum, số loại C100/00, màu nâu, dung tích xi lanh: 97, số khung: DL100-102382XX, số máy: 1P50FMG-3102382XX, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Ngô Quang T là chủ sở hữu hợp pháp: 01 (*Một*) chiếc xe mô tô biển số 47K8-31XX, loại xe hai bánh từ 50-175cm<sup>3</sup>, nhãn hiệu Dayang, số loại C100, màu nâu, dung tích xi lanh: 97, số khung: VMXDCG0014U3290XX, số máy: RDY150FMG803290XX nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(*Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/01/2021 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk*).

**Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Chấp nhận việc bà Phan Thị Phương H không yêu cầu các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T phải bồi thường chi phí nào khác.

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Trịnh Văn L và Ngô Quang T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.



Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường T1, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường T2, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kiều My**